

TÍN NGƯỠNG THẦN NÔNG QUA CÁC TIẾT LỄ THỜ CÚNG TRONG NĂM (Nghiên cứu từ tư liệu Hán Nôm)

VƯƠNG THỊ HƯỜNG*

Tín ngưỡng và phong tục thờ cúng Thần Nông khá phổ biến ở Việt Nam. Trong lịch sử, từ triều đình cho đến người dân, từ Bắc tới Nam, từ nông thôn đến miền núi, ở đâu cũng ghi nhận sự hiện diện của tín ngưỡng thờ cúng Thần Nông và các vị thần liên quan tới nông nghiệp. Sự hiện diện của tín ngưỡng và phong tục này trong đời sống đã được nhiều tư liệu Hán Nôm ghi lại. Bài viết giới thiệu và hệ thống hóa những tiết lễ thờ cúng Thần Nông trong năm của người Việt được phản ánh từ tư liệu Hán Nôm.

*Từ khóa: tín ngưỡng thờ Thần Nông, diễn chế, tiết lễ nông nghiệp, tư liệu Hán Nôm
Nhận bài ngày: 31/3/2021; đưa vào biên tập: 02/4/2021; phản biện: 10/4/2021;
duyet đăng: 05/5/2021*

1. DẪN NHẬP

Trong truyền thuyết các nước Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản đều có sự xuất hiện của Thần Nông. Tuy nhiên, ở mỗi nước, mỗi dân tộc, sự xuất hiện của Thần Nông lại có những nét khu biệt. Người Việt sống chủ yếu bằng nghề nông, sản xuất nông nghiệp được biết đến từ rất sớm. Trong tín ngưỡng sơ khai của người Việt, việc thờ cúng, sùng bái

các vị thần tự nhiên như trời, đất, mây, mưa... khá phổ biến. Sử sách Việt Nam chép rằng Thần Nông là vị thần cai quản phương Nam và còn có tên khác là Viêm Đế - vua xứ nóng và là thủy tổ của người Việt. Sự ghi nhận trên thư tịch bắt đầu từ ghi chép của Trần Thế Pháp ở *Lĩnh Nam chích quái* trong *Truyện Hồng Bàng thị*: “Đế Minh cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông sinh ra Đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Tục dung mạo đoan chính,

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

bẩm tính thông minh, Đế Minh lấy làm lạ, cho nổi ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh, Đế Minh liền lập Đế Nghi làm kẻ nổi ngôi để trị đất Bắc, lại phong Lộc Tục là Kinh Dương Vương để cai trị đất Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ” (Đinh Gia Khánh, 1990: 29)⁽¹⁾. Chép lại từ *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: “Kinh Dương Vương tên húy là Lộc Tục, con cháu họ Thần Nông” (Ngô Đức Thọ, 1998, tập 1: 116)⁽²⁾.

Ở Trung Quốc, ngoài Thần Nông còn có Hậu Tắc là quan trông coi về nông nghiệp của vua Nghiêu, cũng có khi Hậu Tắc được đồng nhất với Thần Nông (Điền Thiên, 2003: 60-67)⁽³⁾. Nhưng đến đời Hán thì xuất hiện khái niệm Tiên Nông, đàn Tiên Nông trong ngày lễ Tịch điền, vua làm lễ tế Tiên Nông ở đàn xong mới xuống đồng, vì thế đàn còn có tên là đàn Tịch điền, đến đời Đường mới ấn định tên chính thức là đàn Tiên Nông⁽⁴⁾. Như vậy về chữ Tiên Nông (先農) trong thư tịch Trung Quốc là dùng để chỉ vị thần chủ về nông nghiệp.

Khảo trong sử sách các đời vua chúa phong kiến Việt Nam chưa thấy ghi chép phân biệt về nguồn gốc thờ cúng Tiên Nông và Thần Nông. Các bài văn tế trong nghi lễ thờ thần dân gian cũng không có sự phân biệt rõ ràng. Cùng một tiết tế lễ nhưng có nơi gọi là Thần Nông (Văn tế Thần Nông trong lễ Thường tân - 嘗新神農祭文⁽⁵⁾), có nơi lại gọi là Tiên Nông (Văn tế Tiên Nông trong lễ Thường tân - 嘗新先農祭文⁽⁶⁾). Sách *Giao tự điển lệ* (交祀典例)⁽⁷⁾ nhà

Nguyễn cho biết: Đàn Tiên Nông là nơi diễn ra nghi lễ chính trong lễ Tịch điền, là lễ nhà vua đích thân đi cày ruộng. Lễ tế ở đàn Tiên Nông được quy định chặt chẽ, rõ ràng dưới triều Nguyễn nhưng cũng không thấy giải thích hay phân biệt giữa Tiên Nông và Thần Nông. Mục Bộ Hộ chiếu lệ cấp phát trong *Điển chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại* cho thấy lễ tế ở đàn Tiên Nông được quy định cụ thể: “Bộ Hộ lĩnh tiền, gạo, mắm, muối ở Hộ phiên phát cho Thái quan ở Thái đàn làm” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 2: 151)⁽⁸⁾. Hay lệ khí ở đàn Tiên Nông, mục Tào lệ của *Lê triều Hội điển* cho biết: “Lễ tế khí ở đàn Tiên Nông: hàng năm Bộ Công căn cứ tờ tư của Bộ Lễ tư đến, tư cho Hộ Bộ lĩnh 4 quan tiền quý giao cho các cục thợ chế gỗ đàn trúc làm hoa, làm mâm... Gồm các thứ sau: bàn 2 chiếc, giá đèn 1 chiếc, mộc vị 1 chiếc, đầu gối 1 chiếc. Giá và chậu quán tẩy 1 chiếc” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 2: 151). Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832), nhà nước có quy định các trực tỉnh tế thần Tiên Nông: “Các địa phương đều đặt 3 mẫu ruộng tịch điền phía đông bên ngoài tỉnh thành, dựng đàn Tiên Nông ở giữa” (Viện Sử học, 2005, tập 4: 288). Lễ vật cũng được quy định cụ thể cho các trực tỉnh trong cúng Tiên Nông: lễ dùng trâu, lợn, xôi đều dùng từ 1 - 3 mâm quả phẩm, quan tỉnh ấy văn vũ thư hạt, mặc đủ triều phục làm lễ” (Viện Sử học, 2005, tập 4: 288). Hàng năm vào các tiết lễ thờ cúng hay lễ hội về nông nghiệp như lễ hội đầu xuân, tiết Hạ điền, Thượng điền... đều

có cúng Thần Nông, Tiên Nông. Trong dân gian cũng không hề có sự phân biệt rạch ròi giữa Thần Nông và Tiên Nông mà họ mặc nhiên coi hai vị này là một, vì cả hai đều là tổ tiên, là người giúp cho mùa màng tươi tốt, ngũ cốc bội thu. Tín ngưỡng thờ cúng Thần Nông đã ăn sâu vào đời sống tinh thần của người dân Việt, trở thành phong tục thờ cúng hội hè đình đám hàng năm.

2. ĐIỀN CHẾ VÀ TIẾT LỄ LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN NÔNG

Điền chế và pháp luật thời trung đại Việt Nam cho rằng: “Tế tự chính là phải thành kính... Còn việc cầu phúc, cầu tạnh, cầu mưa cần phải thành kính...” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 1: 380). Các thể lệ về cúng tế được quy định: “Việc cúng tế phải cẩn thận đàng hoàng, phạm các việc làm không được vi phạm kỷ cương, thất lễ...” (Nguyễn Ngọc Nhuận, tập 1: 381). Điều đó cho thấy rằng các triều vua rất coi trọng việc cúng tế thần linh, nhất là các thần linh phù hộ cho quốc thái dân an. Một trong những vị thần được triều đình quy định đứng vào hàng “đại lễ”, “quốc tế” và nhân dân vọng ngưỡng, cùng hưởng ứng, đó chính là tế lễ Thần Nông.

Việc tế lễ Thần Nông được tổ chức ở cả triều đình và địa phương. Những điển chế được triều đình quy định và tổ chức hàng năm có lễ Tịch điền, Tế đàn Xã tắc, lễ Tiên Xuân ngư. Ngoài ra cũng có một số lễ khác có liên quan như các kỳ lễ tế cầu quốc thái dân an.

Còn các kỳ lễ tế Thượng điền, Hạ điền, Thường tân lại phổ biến trong dân gian. Bài viết bước đầu giới thiệu 6 điển chế và tiết lễ liên quan đến việc thờ Thần Nông, thần nông nghiệp qua tư liệu Hán Nôm.

2.1. Lễ Tịch điền và lệ cày ruộng tịch điền

“Tịch điền - 籍田” theo *Từ điển Hán Việt* (của Đào Duy Anh) có nghĩa là ruộng do đích thân nhà vua xuống cày. Lễ Tịch điền được triều đình phong kiến tổ chức nhằm khích lệ nông dân phát triển nông nghiệp, lấy nghề nông làm gốc.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép vào đầu xuân năm 987, vua Lê Đại Hành làm lễ Tịch điền, cày ruộng để khuyến khích dân chúng trồng trọt: “Đinh Hợi (Thiên Phúc) năm thứ 8 (987)... Mùa xuân, vua lần đầu cày Tịch điền ở núi Đọi⁽⁹⁾ được một hũ nhỏ vàng. Lại cày ở núi Bàn Hải, được một hũ nhỏ bạc, nhân đó đặt tên là ruộng Kim Ngân (Ngô Đức Thọ, 1998, tập 1: 224). Người tiếp nối vua Lê Đại Hành đi cày ruộng Tịch điền là vua Thái Tông nhà Lý. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, vua Lý Thái Tông đã đích thân cày Tịch điền hai lần. Lần thứ nhất vào: “Mậu Dần (Thông Thụy) năm thứ 5 (1038),... Mùa xuân, tháng 2, vua ngự ra cửa Bồ Hải cày ruộng tịch điền. Sau Hữu ty dọn cỏ đắp đàn. Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày để làm lễ tự cày. Các quan tả hữu có người can rằng: “Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế?”. Vua nói: “Trẫm không tự cày thì lấy gì

làm xôi cúng, lại lấy gì cho thiên hạ noi theo?”. Nói xong đẩy cày ba lần rồi thôi” (Ngô Đức Thọ, 1998, tập 1: 259). Lần thứ 2 là khi: “Nhâm Ngọ (Càn Phù Hữu Đạo) năm thứ 4 (1042),... Mùa xuân, tháng 3, vua ngự ra cửa biển Kha Lãm cày ruộng tịch điền rồi về Kinh sư (Ngô Đức Thọ, 1998, tập 1: 262). Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, ngoài việc ghi sự kiện cày ruộng Tịch điền của vua Lê Đại Hành, vua Lý Thái Tông (2 lần) còn ghi sự kiện vua Lý Thái Tông đã từng đi cày: vào năm 1032 “... mùa hạ, tháng 4. Nhà vua chính mình đi cày Tịch điền. Nhà vua đi Đỗ Động Giang, cày ruộng Tịch điền, có người nông dân dâng lúa có đằm lạ: một giò được chín bông. Nhà vua hạ chiếu đổi gọi ruộng ấy là Ứng Thiên” (Viện Sử học, 2007, tập 1): 291)⁽¹⁰⁾.



Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi việc vua Lý Thái Tông cày ruộng Tịch điền ở cửa Bồ Hải và làm lễ tế Thần Nông.

Từ các văn bản Hán Nôm cho thấy các vua triều Tiền Lê - Lý đều tổ chức lễ tế Thần Nông, coi trọng sản xuất nông nghiệp. Các đời vua nhà Trần, Hồ, Hậu Lê sử sách ít đề cập nhưng căn cứ vào những lời bàn của các sử thần thì thấy việc tịch điền, cúng tế Thần Nông đều có (Trịnh Khắc Mạnh,

2020: 3-16). Những ghi nhận của sử sách đối với chế độ ruộng đất, công điền, tư điền và đặc biệt là việc đặt tạo lệ, đặt ra các loại ruộng để thờ cúng thần linh không phải đóng thuế đã gián tiếp cho thấy việc thờ cúng thần linh trong đó có Thần Nông vẫn được các triều đại này coi trọng.

Vốn là vương triều trọng nông nên lễ thờ Thần Nông được nhà Nguyễn rất chú ý. Vua Gia Long ngoài tổ chức lễ Tịch điền theo lệ cổ còn đặt cả quy định về ruộng tịch điền. Vua Minh Mạng tiếp tục thực hiện nghi lễ này và coi như một đại lễ quan trọng. Sách *Đại Nam thực lục* chép vào tháng 2 năm Mậu Tý (1828) vua Minh Mạng đã ban lời dụ về việc cày ruộng tịch điền như sau: “Đời xưa vua cày ruộng Tịch điền, để lấy gạo làm xôi tế Giao Miếu, nhân thể để xét thời tiết làm ruộng khuyên giúp nông dân, thực là việc lớn trong vương chính..., bên tả dựng đài Quan canh, đằng trước làm ruộng để tịch, đằng sau làm điện thay áo, bên hữu đặt đàn Tiên Nông...” (Viện Sử học, 2007, tập 2: 679-681)⁽¹¹⁾.

Ông còn giao cho Bộ Lễ soạn thảo điển lệ quy định chặt chẽ về việc cúng tế Thần Nông và ruộng tịch điền. Đích thân vua cử hành nghi lễ thờ cúng Thần Nông và các Tiên Nông: “... Giờ Tý ngày ấy, Hữu ty bày lễ phẩm lên đàn Tiên Nông... Đến giờ Mão vua đội mũ cửu long, áo hoàng bào, đai ngọc lên kiệu, người dẫn trước, người theo sau đứng nghi vệ... Sau đấy hàng năm việc tế đàn Tiên Nông đều sai Kinh đoàn khâm mệnh làm lễ...” (Viện

Sử học, 2007, tập 2: 679-681). Việc xây dựng các công trình phục vụ tế lễ và đặt điển lệ cúng tế hàng năm đối với Thần Nông của vua Minh Mạng càng khẳng định tín ngưỡng này mang dấu ấn quan trọng đối với triều Nguyễn. Đến triều vua Tự Đức, nghi lễ được rà soát, bỏ bớt rườm rà và định lại điển lệ, lập quy chế rõ ràng.

Việc phân cấp tế thần được thông suốt từ triều đình tới địa phương. Ở cấp quốc gia thì vua sẽ đích thân đi cày ruộng tịch điền và ở cấp địa phương, việc này được ủy quyền cho người đứng đầu từng tỉnh, phủ, huyện hoặc các vị bộ lão đức cao vọng trọng. Ở cấp xã thôn cũng có người chuyên trách lo việc tế lễ và bố trí ruộng tịch điền. Các quy định về thể lệ cúng tế, chủ tế, thành phần ban tế, lễ vật cúng tế đều được quy định trong tục lệ, hương ước. Nhân dân, hương lão, chức dịch địa phương... đều có giao ước, cam kết bắt buộc thực hiện. Ruộng được dùng làm tịch điền còn gọi là ruộng tế, sau khi làm lễ Tịch điền xong thì giao cho những người (đã được lựa chọn và đánh giá là có đạo đức ở địa phương) luân phiên cày cấy, lấy hoa lợi làm lễ cúng Thần Nông. Trong các nghi thức ở buổi tế thần bắt buộc phải có bài văn tế thần, bày tỏ sự kính trọng, biết ơn và mong thần tiếp tục phù hộ cho nghề nông, phù hộ cho dân khang vật thịnh, quốc thái dân an và bày tỏ tấm lòng biết ơn của người dân với thần: “Thánh đế! Sinh theo điển lệ, nối nhau trị vì sáng rõ... Nay tiết đúng lúc việc nông tang

hoàn tất, cảm xin cúng tế truy ân... anh linh hâm hưởng chứng giám, lưu cho tăng thêm ân phúc phù trì, mưa thuận thời gió thuận vụ, mạ lớn lúa chín đầy bờ, người người hơn hờ, vạn vật đông đúc, phú quý phồn vinh đều lũ lượt kéo về. Kính cẩn dâng cáo!” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AFa3/56: 99).

Bài văn tế cũng đã mang hàm ý chỉ Thần vừa là vị thánh đế, vừa là người bảo trợ cho nông nghiệp. Và những bài văn tế dạng này xuất hiện phổ biến trong văn bản tục lệ Hán Nôm các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

2.2. Lễ đàn Xã tắc

Theo Đào Duy Anh (2020) “Xã tắc” là: Dân cần có đất ở nên lập nền xã để tế thần hậu thổ, dân cần có lúa ăn nên lập nền tắc để tế Thần Nông. Mất nước thì mất xã tắc, nên xã tắc cũng có nghĩa là quốc gia. Việc lập đàn Xã tắc theo Lê Quý Đôn (2007: 62) có từ thời Lý: “Triều nhà Lý, lập đàn Phong vân để cầu mưa; đàn Xã tắc để cầu quanh năm được mùa...”. Việc này cũng được Ngô Thì Sĩ nhắc lại trong *Việt sử tiêu án* mục về Lý Thái Tông: “Vua đặt ra đàn Xã tắc, để bốn mùa cúng tế cầu cho được mùa” (Ngô Phong Ngô Thì Sĩ, 1960: 125). *Hoàng Việt luật lệ*, quyển IX, phần Lễ luật, mục Tế tự ghi các phép tắc về việc cúng tế, quy định nghiêm khắc về tổ chức lễ tế, nghi thức tế, lễ vật tế... Trong đó có thể hiện rõ những quy định cúng tế ở đàn Xã tắc. Nếu thực hiện không nghiêm sẽ bị trị tội: “Phạm lễ tế trời đất xã tắc và cúng tế ở các

miếu nếu sở ty không cáo thị trước ngày cúng tế cho các nha môn biết thì sẽ phạt đánh 50 roi. Vì không cáo thị mà nhầm lẫn khi hành sự thì phạt đánh 100 trượng. Nếu đã được cáo thị mà kẻ nào nhầm lẫn thì xử tội người nhầm lẫn cũng phạt đánh 100 trượng” (Nguyễn Văn Thành, 1994: 432). Không chỉ ban hành các định lệ về việc cúng tế ở đàn Xã tắc, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nhà Nguyễn cho rằng tế đàn Xã tắc là lễ tế quan trọng hàng đại tự: “Đại tự là tế trời đất, tế đàn xã, đàn tắc vậy” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 3: 435)⁽¹²⁾. Đối với việc phá hỏng đàn tế của đại tự thì ngay từ thời Lê đã khép tội này vô cùng lớn: “Phàm kẻ nào phá hủy làm hỏng đàn tế đại tự bất luận là cố ý hay vô ý đều phạt 100 trượng, lưu đày xa 3.000 dặm. Phá hủy cổng ngoài thì giảm 2 bậc phạt đánh 90 trượng, đồ (lưu đày) 2 năm rưỡi, phá hủy đồ cúng tế của đại tự thì phải xử phạt đánh 100 trượng, đồ 3 năm. Tuy làm hỏng nhẹ cũng phải xử tội. Đánh mất hoặc vô ý làm hỏng thì giảm 3 bậc (đánh 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi. Nếu giá trị lớn thì xử tội phá hủy hàng hóa công” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 3: 435). Những điều trên là điều lệ quy định đối với đàn tế cấp quốc gia, còn với địa phương thì: “phàm các thần xã tắc, núi sông mưa gió ở trong các doanh trấn và các thánh đế minh vương, trung thần liệt sĩ đời trước... Hữu ty sở tại lập bài vị, viết thần hiệu treo ở nơi thanh tịnh thường tế đúng ngày tế lễ. Nếu đến kỳ mà quên không treo thần hiệu thì

quan lại sở ty bị phạt đánh 100 trượng” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 3: 436). Di tích đàn Xã tắc được xây dưới thời vua Gia Long vào tháng 4 năm 1806 để tế cúng thần đất (xã) và thần ngũ cốc (tắc). Nhà Nguyễn tổ chức tế lễ mỗi năm hai lần, vào mùa xuân và mùa thu và cách ba năm (vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu) đích thân nhà vua đến làm lễ. Các địa phương cũng cho xây dựng đàn Xã tắc, đàn Thần Nông để cúng Thần Nông, thần đất, thần lúa và tổ chức Kỳ an (cầu an).

2.3. Lễ Tiến Xuân

Lễ Tiến xuân, Tiến Xuân ngư, Nghênh xuân, lễ thần Câu Mang là những tiết lễ đều được tiến hành vào mùa xuân và đều liên quan đến tiết khí, trâu cày nên mọi người vẫn coi là một. Thần Câu Mang (Mang Thần) theo truyền thuyết Trung Quốc là Mộc thần (thần mùa xuân, chủ về sự nảy mầm và phát triển cây cối) nên được coi là một hiện thân của Thần Nông. Chưa rõ thời điểm chính xác xuất hiện nghi thức độc đáo này ở Việt Nam nhưng từ thời vua Lý Anh Tông (1138-1175) đã ban lệnh thờ cúng thần Câu Mang – vị thần coi sóc về mùa xuân, vị thần chủ về mùa màng, đồng thời chuyên lo việc làm mưa và có lệ khi làm lễ mùa xuân phải đem con trâu làm bằng đất (gọi là Xuân ngư) dâng lên đền thờ. Đây là dấu mốc cho nghi thức dâng trâu đất mùa xuân mà thực tiễn còn lưu lại được. Nhà Nguyễn đến đầu những năm 30 (thế kỷ XX) vẫn giữ lệ Tiến xuân (tế Thần Nông).

Theo Nguyễn Mạnh Hùng, vào thời gian này, ở kinh đô Huế mỗi đầu năm, khoảng từ mùng 7 đến rằm tháng giêng, Bộ Lễ của triều đình đều tổ chức lễ Tế Xuân hay Tế Thần Nông. Đàn Tế Xuân được lập tại làng Phú Mỹ (nay là Phú Hiệp) và hiện nay tàn tích vẫn còn. Lễ Tế có trống kèn, hương hoa, ngũ quả, Chủ lễ có năm là ông Phủ Doãn, có năm là ông Phủ Thừa của tỉnh Thừa Thiên. Các vị này vâng mệnh triều đình (thay mặt vua), mặc áo đại trào và lạy ở bàn thờ giữa. Chiếc hương án có ảnh Thần Nông được che lọng vàng do bốn lính của Hoàng Cung khuân (Nguyễn Mạnh Hùng, 1989: 89)⁽¹³⁾.

Cùng với lễ Tịch điền thì lễ Tiến Xuân ngưu và tế thần Câu Mang gắn với hình ảnh con trâu. Nghi thức dâng trâu đất mùa xuân ở lễ tiến Xuân Ngưu luôn gắn với hình ảnh thần Câu Mang⁽¹⁴⁾: “Sau lễ tế thần Câu Mang, một người được cử cầm roi trang trí màu sắc sắc sỡ quất vào trâu đất biểu thị “tống hàn, nghênh xuân”, tiếp đến người dân khoét một ít đất trên thân trâu đất mang về nhà với ý nghĩa cầu một năm mới bội thu, may mắn thịnh vượng” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011: 151). Lễ Tiến Xuân ngưu được sách *Lê triều Hội điển* mô tả: “Buổi chiều hôm trước ngày Lập xuân, cục Thường ban đệ trâu đất đến đàn tế ở phường Đông Hà. Quan Phủ doãn và quan hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức làm lễ xong thì sai dân phường đưa đến đàn tế ở phường Hà Khẩu. Sớm hôm sau làm lễ xong, quan Phủ

doãn và quan huyện lấy cành dâu đánh trâu đất rồi đưa vào sân điện làm lễ Tiến Xuân ngưu. Các vị công hầu bá đại thần và văn võ bá quan vâng chỉ của chúa đều đầy đủ phẩm phục vào triều làm lễ. Lễ xong quan Tư thiên giám khiêng án để Xuân ngưu đến dâng vua rồi đệ tiến sang phủ chúa” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 1: 196). Sử gia Phan Huy Chú chú thích ý nghĩa của lễ này như sau: “Xét thiên Nguyệt Lệnh nói: Tháng quý đông làm con trâu bằng đất để tống khí lạnh, vì tháng ấy là tháng Sửu, sừu là trâu, đất thì ngăn nước, cho nên làm con trâu bằng đất để át khí lạnh. Các đời cứ dùng theo nghĩa ấy, cho nên mới có lễ Tiến Xuân ngưu, mà ban cho các quan là để cùng nhau tống khí lạnh đi” (dẫn theo Nam Khánh, 2016). Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Khánh Đức thứ 4 (1652), mùa đông tháng 12, ban lệnh về định lễ vật tế xuân: “Lệ tế xuân ở các đền thần, từ hạng Thượng, Trung đẳng thì 1 tổng hoặc 2 tổng, hoặc 2 xã phải tế 1 đền. Quan huyện chuyển công văn đến xã dân để chuẩn bị mua các thứ trâu dê, lợn, mâm xôi, y theo lệ tế của Quốc triều, đồng thời sắm sửa chỉnh tề đầy đủ đưa đến bản đền. Đến ngày, quan phủ, huyện, hiệu và lại viên Nhị ty đến làm lễ, sao cho chỉnh tề, tinh khiết, chí kính, đều do dân thủ lệ cung đón” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 1: 581). Ý nghĩa đón xuân, đón khí tiết mới, cầu mong Thần Nông phù hộ cùng với thời điểm gieo trồng của năm mới và lệ chăm sóc đàn trâu cày

xuyên suốt phong tục này. Năm Minh Mạng thứ 9 (1828) trong bản đình nghị tâu lên nhà vua và được ban chỉ chuẩn: “hàng năm, sau ngày Đông chí, gặp ngày Thìn, tòa Khâm Thiên giám hội đồng với Vũ khố, lấy nước và đất ở phường thần Tuế Đức, làm ra 3 con trâu và 3 vị Mang thần dùng cày dâu cấy giá làm thai cấy, coi xem can chi năm ấy...” (Viện Sử học, 2005, tập 4: 162). Lệ Tiến xuân không chỉ diễn ra ở kinh thành mà thời Nguyễn, lệ tiết này còn được triều đình ban chỉ chuẩn cho các địa phương tiến hành. Bởi vì: “... trâu đất và Mang thần nguyên là ý chăm việc làm ruộng, khuyên bảo giúp đỡ, ở Kinh thành đã cử hành trước thì các địa phương cũng nên tuân làm tất cả, để cho phù hợp lễ đời cổ ...” (Viện sử học, 2005, tập 4: 164)”. Theo tìm hiểu của Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 89) thì “Trước kia, hàng năm người Việt Nam đều làm lễ tế xuân. Người ta nắn hình Câu Mang dẫn trâu bằng đất, tùy theo từng năm mà có màu sắc khác nhau. Thần và trâu được rước đi khắp phố. Dân chúng thi nhau đốt pháo khi đám rước đi ngang qua”.

2.4. Lễ Hạ điền

Hạ điền hiểu nông na là khoảng thời gian xuống đồng cày cấy (bước xuống ruộng). Nghi thức tế lễ này cùng với lễ Thượng điền, Thường tân đã trở thành phong tục phổ biến của nông thôn Việt Nam. Trước kia, việc cày cấy thường là tháng năm, tháng sáu gieo mạ; đến tháng 9, tháng 10 thu hoạch. Nhưng có nơi trồng cấy hai vụ thì mỗi vụ nông dân đều làm lễ Hạ

điền. Sau khi thu hoạch xong thì có lễ dâng sản vật ngon để cúng tế thần linh và tổ tiên. Ý nghĩa của các tiết lễ thờ cúng mong Thần Nông, Tiên Nông phù hộ cho mùa màng tươi tốt, dân yên vật thịnh. Tục cúng tế Hạ điền, Thượng điền và Thường tân thường tổ chức theo làng xóm, tổ chức không có ngày cố định. Tục lệ giáp Phong Miếu, huyện Giao Thủy, tổng Cát Xuyên, tỉnh Nam Định viết: “Lễ Hạ điền vào ngày tốt hạ tuần tháng 5 hoặc là ngày tốt thượng tuần tháng 6 hàng năm” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 16). Nghi thức tiến hành và cỗ dâng cúng cũng được quy định kỹ càng: “chọn cử bốn giáp một mâm, kỳ lão làm điền chủ, đặt 10 thước ruộng ở Cửa Miếu, điền chủ nhận ruộng canh tác, đến ngày tốt điền chủ ấy chuẩn bị sửa soạn một con gà trống, 5 đấu xôi, 1 bình rượu, 30 miếng trâu cau, trai giới tắm rửa sạch sẽ yết tế Thần Nông, lúc Hạ điền tháng 7, 8 cấy lúa thu, trồng 3, 4 củ khoai để làm biểu thị cho sự tươi tốt, đến ngày mùng 6 tháng 11 cầu phúc đem biếu điền chủ nửa thửa lợn làm lễ” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 16-17). Tục lệ làng Nho Lâm (tỉnh Hưng Yên) thì ghi rõ “Hàng năm vào tháng 5 có tiết Đoan Dương và Hạ điền” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a3/33: 86) nhưng không nói rõ là ngày nào. Tuy nhiên, các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thường chọn tổ chức vào ngày tốt tháng 5, như tục lệ thôn Trung Hòa xã Nhân Hòa “Theo lệ chính lễ Hạ điền tháng 5 thì chọn ngày tốt để làm lễ” (Viện Nghiên cứu Hán

Nôm, AF.a3/44: 27). Đồ vật lễ dâng cúng thần cũng không cố định mà tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng địa phương. Tục lệ của tổng Cát Xuyên: “Lễ vào lễ Hạ điền... chọn 4 giáp một mâm, Kỳ lão có gia cảnh tốt đặt làm điền chủ tại xứ Cửa Đình. Mỗi giáp một sào nhận canh tác, chọn ngày tốt điền chủ ấy chỉnh biện 2 con gà trống 10 đầu xôi, 2 chai rượu, 40 miếng trâu cau, trai giới sạch sẽ yết tế Thần Nông. Vào lúc hành lễ Hạ điền tháng 7, 8 cấy lúa thu, trồng 2, 3 củ khoai để làm biểu thị cho sự tươi tốt, đến ngày mùng 6 tháng 11 làm lễ Cầu phúc đem biểu điền chủ nửa cái thủ lợn làm lễ” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 16). Nguyễn Thanh Lợi (2020) cho biết: “Lễ Cầu bông được tiến hành khi lúa bắt đầu ngậm sữa (lúa mùa), cầu cho lúa ngậm sữa, đơm bông, vụ mùa tốt tươi. Nghi thức cúng Thần Nông diễn ra ngay trước sân đình, do hương chức đảm nhiệm, có chiêng trống, thịt, xôi, bánh, trái, nhang đèn. Có nơi làm đơn giản nhưng cũng có nơi làm đầy đủ nghi thức tế lễ, có văn tế, nhạc lễ, giống như lễ Kỳ yên. Về sau, một số đình đã nhập lễ Cầu bông vào lễ Hạ điền”; làng xóm lập đàn tế, thường là ngay tại bờ ruộng (Nguyễn Hữu Mùi, 2020: 3-10) để tiện việc thần chứng giám lòng thành. Trong buổi tế lễ sẽ có bài văn tế ca ngợi công đức của thần, lễ vật trâu cau, hương hoa, xôi oản dâng mời thần thụ hưởng, ban phúc lành cho dân.

2.5. Lễ Thượng điền

Thượng điền là khoảng thời gian cấy cấy đã xong (nghĩa đen là công việc đồng áng đã xong, bước lên ruộng). Tài liệu Hán Nôm về nghi lễ, phong tục lễ làng tế Thần Nông phong phú. Từ nghi lễ cúng tế, ngày tháng tổ chức, lễ vật dâng cúng... đều được chi tiết hóa. Trong *Tế thần nghi tiết* chép 27 bài văn tế thần, rước thần, vào đám, hạ điền, thượng điền, cầu phúc, cầu an,... của làng Hương Lam xã Đại Đồng tổng Đại Đồng huyện Thạch Thất phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây thì *Thượng điền tế Thần Nông* thì ngoài việc thể hiện xin thần ban cho cấy bừa được thuận lợi, muôn vật tốt tươi, trăm họ phú quý, phúc lộc dài lâu còn cho biết những hình dung về Thần Nông: “Đại vương đức tốt đẹp trong ngoài, tính bẩm thụ từ sông núi, làm chủ một phương, vạn đại hương hỏa” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.1544: 32). Hay tục lệ giáp Phong Miêu, huyện Giao Thủy, tổng Cát Xuyên, tỉnh Nam Định, miêu tả nghi lễ và cách thức cúng Tiên Nông trong lễ Thượng điền: “Lễ Thượng điền tế Tiên Nông, viên chủ tế gieo mạ phải chọn người khỏe mạnh không làm việc gì sai trái, việc cấy lúa trồng khoai trong lễ Thượng điền trước tiên là hai viên Thứ chỉ và Chánh phó lý phải sửa soạn một hộp trâu cau, một chai rượu; các giáp sửa soạn lợn xôi, trâu rượu đầy đủ đem đến đình kính tế, mỗi giáp đều biểu một miếng thủ lợn, một mâm xôi trị giá bằng 2 quan tiền đồng, tim lợn chia đủ 4 đĩa, còn thừa kính biểu quan viên trên dưới ăn

uống” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 17-18). Lễ vật dâng thần phải được chuẩn bị chu đáo và sau khi tế xong được phép chia nhau lộc: “Lễ tế Thượng điền, 1 viên Tiên chỉ, 2 viên Thứ chỉ cùng các Chánh, Phó lý chỉnh biện 3 hộp trầu cau, 3 khế rượu, các giáp chỉnh biện 1 con lợn, 3 mâm xôi, rượu ngon, cỗ đủ dùng, tề tựu tại đình hành lễ kính tế. Tế xong, mỗi giáp biếu 1 thủ lợn, 1 mâm xôi trị giá 2 quan tiền đồng, tim lợn chia làm 4 đĩa đem biếu quan viên, còn lại thì già trẻ cùng nhau ăn uống” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1:17).

Lễ Hạ điền và Thượng điền là hai lễ lớn trong năm, được nhân dân tổ chức long trọng và đều đặn. Nghiên cứu từ các văn bản tục lệ cho thấy hai lễ này đều được coi trọng và cùng mong muốn thần phù hộ cho sản xuất thuận lợi, “mưa thuận gió hòa”, “lúa khoai mơn mớn”, “ngũ cốc đầy bờ”... Khảo sát riêng văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hưng Yên còn được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm cho thấy trong 187 văn bản thì có tới 127 văn bản (chiếm 68%) đề cập đến phong tục thờ cúng Thần Nông thông qua các nghi lễ, điều lệ cúng Thượng điền, Hạ điền, Thường tân. Phan Kế Bính (2011: 99) cho biết ở vùng đồng bằng Bắc Bộ đầu thế kỷ XX: “Hạ điền là ngày mới bắt đầu bước chân cuống ruộng, ngày Thượng điền là ngày mới có gạo mới... Lễ Thượng điền, Hạ điền về làng nào có ruộng mới tế lễ mà nhiều làng chỉ tế một lần vào ngày Hạ điền mà thôi. Lễ ấy có làng tế

Phúc thần, có làng chỉ lễ Tiên Nông. Tục thường kén một ông lão hiền lành phúc hậu mà hai vợ chồng còn song toàn để làm lễ Hạ điền. Nghĩa là ông ấy phải xuống cấy vài nắm mạ trước rồi từ đó trở đi cả xã mới cấy”. Qua khảo sát của Phan Kế Bính và văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hưng Yên thì thấy phong tục cúng tế Thần Nông trong làng xã Bắc Bộ xưa rất phổ biến. Đồng thời qua đó cũng cho thấy tín ngưỡng và nghi thức tiến hành cúng tế Thần Nông ở các địa phương Bắc Bộ đều tương đối giống nhau. Những người được chọn làm chủ tế phải là người hoàn mỹ, có đạo đức và nhất là phải đủ tin cậy để được phép dâng lễ vật, văn tế thần. Chủ tế là người được thực hiện các công việc biểu trưng của nhà nông: gieo mạ, gặt lúa...

2.6. Lễ Thường tân

Lễ Thường tân (嘗新) còn được gọi bằng nhiều tên khác nhau như lễ Thường tiên (嘗先), lễ Hạ nguyên (下元), lễ Trùng thập (重十), Song thập (雙十), Thực tân (食新)... Thường tân (嘗新) theo nghĩa chữ Hán, nghĩa là nếm thử cơm mới; Thường tiên (嘗先) cũng có nghĩa tương tự như vậy nhưng chỉ rõ là “nếm thử trước”; Hạ nguyên (下元) là cách gọi theo thời gian diễn ra vào rằm (ngày 15) tháng 10. Trùng thập (重十), Song thập (雙十) là chỉ ngày 10 tháng 10. Tiết Thực tân (食新) có nghĩa là ăn đồ mới/cơm mới.

Tuy tên gọi có thể khác nhau do ngày diễn ra lễ cúng tế khác nhau nhưng đều là cúng lúa mới, tạ ân Thần Nông đã phù hộ cho một mùa màng tốt tươi.

Vì thế sau khi thu hoạch lúa về, bát cơm gạo mới đầu tiên sẽ được kính dâng lên thần. Lễ vật dâng thần trong ngày lễ phải được làm từ các sản vật nông nghiệp như: xôi, bánh, cơm, gạo. Triều Nguyễn quy định ngày tế Thần Nông trong tiết Thường tân: “Hàng năm lệ tế Thường tân, lễ phẩm là 500 hốt vàng hoa, 3 mạch tiền hương, 5 mạch tiền rượu, 1 nải chuối, 3 mạch tiền trâu cau, 1 cân xôi (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 3: 353). Tục lệ xã Lạc Thành tổng Cát Xuyên huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định quy định: “Vào tháng 10, chọn lấy ngày tốt để làm lễ Thường tân; bản xã thu các khoản tiền giao cho Thủ từ nhận canh, lấy tiền vào ngày đó (ngày làm lễ Thường tân), lấy gạo ngon một nôi, chuối xanh một nôi, phu phé ra các hạng, hoa quả kính lễ, còn lại lộc chia đều cho mọi người” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 18). Ngày diễn ra lễ Thường tân cũng không nhất thiết giống nhau: “Lễ Thường tân tháng 9 đến mùa lúa chín chuẩn bị thu hoạch của vụ ấy Chánh, Phó lý sửa soạn một đầu lợn, một mâm xôi, trầu rượu đầy đủ kính tế Tiên Nông” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 18). Trong *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính* ghi chép các chiếu lệnh được ban hành trong thời gian từ niên đại Vĩnh Tộ thứ 7 (1627) đến niên đại Chính Hòa thứ 8 (1687): “... Theo lệ hàng năm phải có dâng tiến các lễ Thường tiên, Tiết liệu. Mỗi năm có một kỳ tháng 5, một kỳ tháng 10, một kỳ tháng 12. Tổng cộng là 3

kỳ” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 3: 590). *Lê triều Hội điển* ghi: “Lễ Thường tiên kỳ tháng 8: phụng ban 25 quan tiền, 20 thúng gạo mới, 1 con bò lớn, 1 vò rượu ngon. Đệ đến để dâng tiến” (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2011, tập 2: 92). Trong các bản tục lệ thì lễ vật có giản tiện hơn nhưng ngày tháng và quy định lễ nghi vẫn rất cụ thể, chặt chẽ “Lễ Cơm mới tháng 9 đến mùa lúa chín chuẩn bị thu hoạch của vụ ấy, Chánh, Phó lý sửa soạn một thủ lợn, một mâm xôi, trầu rượu đầy đủ kính tế Tiên Nông” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.a11/1: 18). Tục lệ này ở vùng Thanh Trì (Hà Nội): “thì lại ăn Tết Trùng thập về ngày 21 tháng 10⁽¹⁵⁾. Đại để nhà quê là việc gặt hái xong, nhớ đến công tiên nông mà cúng tế và an ủi như sự khó nhọc mọi ngày” (Phan Kế Bính, 2011: 61). Như vậy lễ Thường tân diễn ra tùy theo từng khu vực do địa hình và khí hậu canh tác của mỗi nơi. Thời gian có thể du di nhưng đều chung một ý nghĩa tạ ân Thần Nông phù hộ nên sau khi thu hoạch xong nông phẩm ngon nhất, tinh khiết nhất sẽ được dâng cúng thần. Khảo sát phong tục Việt Nam đầu thế kỷ XX cho biết tục lệ này vẫn thịnh hành: “Mồng mười tháng mười là tết Trùng thập... về nhà quê cũng có nhiều nơi ăn, có nơi ăn to lắm, như về vùng phủ Hoài thì làm bánh dày, nấu chè kho, trước cúng thần, sau cúng gia tiên...” (Phan Kế Bính, 2011: 61).

3. KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, dưới thời phong kiến, việc thờ cúng Thần Nông được triều

đình thực hiện cũng như việc tổ chức các tiết lễ trong dân gian đã trở thành phong tục không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người nông dân. Có những tiết lễ thờ thần riêng nhưng cũng có những tiết lễ phối thờ Thần Nông với các vị thần liên quan đến nông nghiệp khác như thần mây, thần mưa, thần sấm... Từ vua Lê Đại Hành (tiền Lê) cho đến vua Minh Mạng (thời Nguyễn) đều công nhận và tôn trọng tín ngưỡng thờ cúng Thần Nông. Ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng Thần Nông và các điển chế, tiết lễ thờ cúng nhằm ghi nhớ công ơn của thần với quan niệm là vị thủy tổ cũng như là vị thần bảo trợ cho mùa màng bội thu đã tạo nên sự gắn kết cộng đồng người Việt giúp nhau vượt qua khó khăn trong quá trình sản xuất, chinh phục thiên nhiên. Tín ngưỡng này đã đi vào

tâm thức, trở thành phong tục, thành biểu trưng của cư dân nông nghiệp Việt Nam. Ngày nay, một số địa phương tổ chức lễ Tịch điền, lễ Tiên Xuân ngư... nhằm góp phần phát huy nét đẹp văn hóa cộng đồng và giáo dục tính nhân văn. Tuy nhiên, việc phục dựng các phong tục, lễ hội cần được nghiên cứu kỹ càng, thận trọng từ nguồn gốc, ý nghĩa, quy mô,... để phát huy được sức mạnh của di sản cha ông để lại; không thể tùy tiện, vì mục đích thương mại mà làm mất đi những giá trị chân, thiện, mỹ - giá trị cốt lõi của văn hóa. Vua Lê Thánh Tông mong muốn và từng huấn dụ: “Lễ nghĩa để sửa tốt lòng dân, nông tang để có đủ cơm áo. Hai điều đó là việc cần kíp của chính sự, là chức trách của các quan nuôi giữ dân” (Ngô Đức Thọ, 1998, tập 3: 97). □

CHÚ THÍCH

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.09-2019.03.

(1) Sách *Lĩnh Nam chích quái*, bằng chữ Hán, do Trần Thế Pháp viết, Vũ Quỳnh - Kiều Phú (bổ sung). Trong bài viết chúng tôi dựa theo bản dịch năm 1990 do Đinh Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo - giới thiệu.

(2) Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... *Đại Việt sử ký toàn thư*: Bản in Nội các quan bản. Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Trong bài viết này, chúng tôi trích dẫn bản in do Ngô Đức Thọ chủ biên. Phần dịch nghĩa ở quyển 1, 2, 3; nguyên văn chữ Hán ở quyển 4.

(3) “Tế tự Tiên Nông và tế tự Hậu Tắc, tế tự Linh tinh (các sao thiêng) đều là lễ hiến tế thần nông nghiệp theo truyền thống của Trung Quốc” (先农祭祀与后稷祭祀 灵星祭祀同为中国 传统的农神祭祀).

(4) Tiên Nông, thời xưa gọi là Đế xã, Vương xã, đến đời Hán mới bắt đầu gọi là Tiên Nông... Trước đời Đường là Đế xã, Đàn tế còn viết là Đàn Tịch điền, sau năm 685-688 niên hiệu Thủy Cung (Lý Đán Đường Duệ Tông đời Đường) đổi là Đàn Tiên Nông

Nguyên văn: 先农, 远古称帝社、王社, 至汉时始称先农。春时东耕于藉田, 引诗先农坛先农, 则神农也”引; “坛于田, 以祀先农”引。魏时, 先农为国六神之一(“风伯、雨师、灵星、先农、社、稷为国六神”引)。藉天祭先农, 唐前为帝社, 祭坛曰藉田坛, 垂拱年(公元 685~688 年)后改为先农坛。至此祭祀先农正式定为封建社会的一种礼制, 每年开春, 皇帝亲领文武百官行藉田礼于先农坛。https://baike.sogou.com/v8325.htm.

- ⁽⁵⁾ Xem Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.b1/21: “Nghệ An tỉnh Hưng Nguyên phủ Văn Viên tổng các xã tục lệ 又安省興元府文園總各社俗例”, phần Tục lệ xã Phúc Xuyên.
- ⁽⁶⁾ Xem Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AF.b1/21: “Nghệ An tỉnh Hưng Nguyên phủ Văn Viên tổng các xã tục lệ 又安省興元府文園總各社俗例”, phần Tục lệ xã Văn Viên.
- ⁽⁷⁾ Xem Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.274: “Giao tự điển lệ 交祀典例”, gồm những quy định về nghi thức tế lễ ở đàn Nam Giao; ở miếu, điện, lăng tẩm; ở đàn Xã tắc và các nơi khác trong kinh thành Huế dưới triều nhà Nguyễn.
- ⁽⁸⁾ Sách *Điển chế pháp luật Việt Nam thời trung đại* bằng chữ Hán, gồm nhiều phần gộp lại (như *Lê triều Hội điển*, *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*, *Hồng Đức thiện chính thư*... do Nguyễn Ngọc Nhuận chủ biên, Trần Thị Kim Anh, Lê Tuấn Anh dịch. Các trích dẫn trong bài viết này đều theo bản Nguyễn Ngọc Nhuận.
- ⁽⁹⁾ Núi Đọi: Còn gọi là Đọi Sơn (hay Long Đọi sơn), hiện tọa lạc trên đỉnh núi Long Đọi, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- ⁽¹⁰⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sách chữ Hán, chúng tôi dẫn theo bản dịch Viện Sử học (2007).
- ⁽¹¹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Chính biên; chúng tôi dẫn theo bản dịch Viện Sử học (2007).
- ⁽¹²⁾ Lễ tế ở đàn Xã tắc là lễ tế Thần Đất và Thần Lúa (Thần Nông).
- ⁽¹³⁾ Về lễ tế Xuân (hay Xuân ngư) có thể xem thêm Bửu Kế (1961), “Ngô Đình Nhu (1942).
- ⁽¹⁴⁾ Hình ảnh thần Câu Mang thường được mô tả là một chú bé mục đồng.
- ⁽¹⁵⁾ Tuy gọi là tiết Trùng thập (10/10) nhưng ở địa phương này lại tổ chức cúng tế vào 21/10. Qua đây có thể thấy, tên tiết Trùng thập cũng chỉ mang tính ước lệ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bửu Kế. 1961. “Lễ tế Xuân hay đám rước Thần Nông”. Sài Gòn. *Tạp chí Bách khoa*, số Tết Tân Sửu, tr. 39-44;
2. Đào Duy Anh. 2020. *Từ điển Hán Việt*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
3. Điền Thiên. 2003. *Tiên Nông và Linh tinh: khảo sát tế tự Thần Nông ở các địa phương thời Tần Hán*. Trung Quốc quốc gia bách vật quán, số 2003(8), tr. 60-67. (田天, 先农与灵星: 秦汉地方农神祭祀丛考. 中国国家博物馆馆刊).
4. <https://baike.sogou.com/v8325.htm>
5. Lê Quý Đôn. 2007. *Kiến văn tiểu lục*. Viện Sử học biên tập, dịch chú. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
6. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên... 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản in Nội các quan bản. Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Bản dịch Ngô Đức Thọ chủ biên. 1998. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, 3 tập.
7. Nam Khánh. 2016. “Lễ hội đầu xuân độc đáo của triều đình phong kiến xưa”. <http://kienthuc.net.vn/tham-cung/le-hoi-dau-xuan-doc-dao-cua-trieu-dinh-phong-kien-xua>, cập nhật 24/2/2016.
8. Nội các triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*. Bản dịch: Viện Sử học (tái bản). 2005. Huế. Nxb. Thuận Hóa.
9. Nội các triều Nguyễn. 2005. *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ tục biên*. VHv.2793/1-30; In năm Khải Định 2 (1917). Bản dịch Viện Sử học (2005). Huế: Nxb. Thuận Hóa.

10. Ngô Phong Ngô Thị Sỹ. 1960. *Việt sử tiêu án* (越史標案). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.2977/1. Bản dịch: Hội Việt Nam Nghiên cứu liên lạc văn hóa Á Châu. 1960. Nxb. Văn hóa Á Châu.
11. Ngô Đình Nhu. 1942. “Lễ lập Xuân ở Hà Nội”. *Tạp chí Thanh Nghị*, ngày 16/9/1942, tr.16-18.
12. Nguyễn Hữu Hiếu, Lê Thành Thuận. 2020. *Đình làng Nam Bộ và tục thờ Thần Nông - nhìn từ Đồng Tháp*, Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
13. Nguyễn Hữu Mùi. 2020. “Lễ tế Thần Nông và phong tục khuyến nông ở Việt Nam (trường hợp tỉnh Phúc Yên cũ)”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (158), tr.3-10.
14. Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên); Trần Thị Kim Anh, Lê Tuấn Anh (dịch). 2011. *Điển chế pháp luật Việt Nam thời trung đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
15. Nguyễn Mạnh Hùng. 1989. *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ XX*. TP HCM: Nxb. Trẻ.
16. Nguyễn Thanh Lợi. 2020. “Tục thờ Thần Nông ở Nam Bộ”. <https://doanhnhannplus.vn/tuc-tho-than-nong-o-nam-bo>, cập nhật ngày 3/1/2020
17. Nguyễn Thế Anh. 2008. *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
18. Nguyễn Văn Thành. *Hoàng Việt luật lệ*. Bản dịch Nguyễn Q. Thắng. 1994. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
19. Phan Kế Bính. 2011. *Việt Nam phong tục*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
20. Quốc hội. 2016. “Luật Tín ngưỡng, tôn giáo”. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-tin-nguong-ton-giao>, cập nhật 7/3/2021.
21. Sơn Nam. 2009. *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (ấn bản 1). TP HCM: Nxb. Trẻ.
22. Trần Nghĩa (đồng chủ biên). 1993. *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
23. Trần Thế Pháp soạn, Vũ Quỳnh - Kiều Phú bổ sung. *Lĩnh Nam chích quái*. Bản dịch Đình Gia Khánh chủ biên, Nguyễn Ngọc San biên khảo - giới thiệu. 1990. Hà Nội: Nxb. Văn học (tái bản lần 2).
24. Trịnh Khắc Mạnh. 2020. “Tìm hiểu về lễ tế Thần Nông và lễ Tịch điền ở Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (160), tr. 3-16.
25. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Giao tự điển lệ* (交祀典例), A. 274.
26. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *南定省交水縣葛川總風苗甲俗例* (Nam Định tỉnh Giao Thủy huyện Cát Xuyên tổng Phong Miêu giáp tục lệ), AF.a11/1.
27. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *祭神儀節* (Tế thần nghi tiết), A.1544.
28. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *興安省安美縣僚舍總儒林村* (Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Liêu Xá tổng Nho Lâm thôn), AF.a3/33.
29. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *興安省安美縣太樂總各社俗例* (Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Thái Lạc tổng các xã tục lệ), AF.a3/83.
30. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *興安省安美縣安富總楷範社中富村俗*, (Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Giai Phạm xã Trung Phú thôn tục lệ), AF.a3/56.
31. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *興安省安美縣柴莊總仁和社中和村* (Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Sài Trang tổng Nhân Hòa xã Trung Hòa thôn), AF.a3/44.
32. Viện Sử học. 2005. *Đại Nam thực lục*, Chính biên - tập 4. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
33. Viện Sử học. 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* - tập 1. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.